

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44a/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/11/2019.

V/v: "Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Ngự.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số 158/7, khóm NM, phường NM, thành phố BL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Chị Trần Lệ T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã HĐK, huyện CT, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2019, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Dương Văn B trình bày:

Anh B và chị Trần Lệ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2011. Thời gian đầu chung sống anh, chị không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, nên cũng trong năm 2011 không còn sống chung cho đến nay; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Lệ T:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy anh Dương Văn B và chị Trần Lệ T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2011, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian chung sống anh, chị không hạnh phúc, do tình tình không hợp nhau, nên cũng trong năm 2011 thì không còn chung sống cho đến nay. Tại phiên tòa anh B kiên quyết xin ly hôn. Mặt khác: Anh, chị không còn sống chung từ năm 2011 đến nay không hàn gắn được, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh B phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Dương Văn B** và chị **Trần Lệ T**.

- Về con chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai T tiền số 0008775 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND phường Nhà Mát, TP Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nhẫn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở: Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhân**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**.

2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Dương Văn B**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 158/7, khóm Nhà Mát, phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Chị **Trần Lệ T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng điều luật và các nội dung như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Dương Văn B** và chị **Trần Lệ T**.
- Về con chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Án phí sơ thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai T tiền số 0008775 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc 9 giờ 45 cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

